

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày 19/5/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thái

2. Bà Nguyễn Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 04/4/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 04/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Vợ chồng bà và ông N có mối quan hệ hàng xóm, năm 2015 ông N có hỏi vay tiền của vợ chồng bà số tiền 43.000.000, mục đích vay để ông N làm công trình phụ. Do tin tưởng nên vợ chồng bà đã đồng ý, ngày 15 tháng 6 năm 2015 (âm lịch) vợ chồng bà đã cho ông N vay số tiền gốc là 43.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/1 tháng, thời hạn vay là 3 năm, tiền lãi là 6 tháng trả 1 lần.

Sau khi ông N vay tiền của vợ chồng bà thì từ đó đến nay ông N đã trả được cho vợ chồng bà được 8 lần tiền lãi với tổng số tiền lãi đã trả là: 29.515.000 đồng, lần cuối cùng ông N trả lãi cho vợ chồng bà là ngày 15/6/2018.

Tiếp tục, ngày 26/8/2018 âm lịch, vợ chồng bà có cho ông N vay tiếp số tiền 15.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/1 tháng, không thỏa thuận thời hạn vay.

Tổng cộng cả hai lần ông N vay của vợ chồng bà số tiền là 58.000.000 đồng. Bà xác định cả hai lần vay là một mình ông N đứng ra vay tiền, không liên quan đến vợ ông N.

Đến năm 2019, chồng bà là ông Nguyễn Văn H chết, sau khi ông H chết thì bà bắt đầu yêu cầu ông N trả tiền cho bà, khi bà đòi thì ông N bảo sẽ trả, nhưng từ đó đến nay bà đòi nhiều lần mà ông N không trả cho bà.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng, bà tự nguyện không yêu cầu lãi suất.

Bà xác định số tiền 58.000.000 đồng là tài sản chung của bà và ông H, không có tiền của các con, các con bà không đóng góp gì vào số tiền này. Nay ông H chết thì bà yêu cầu ông N phải trả cho một mình bà số tiền 58.000.000 đồng. Nay chồng bà là ông H đã chết, bà yêu cầu một mình ông N phải có trách nhiệm trả cho một mình bà số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng. Bà và ông N thỏa thuận tự nguyện không yêu cầu tính số tiền lãi mà hai bên đã trả vào tiền gốc, hai bên tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền lãi suất đã trả và bà cũng tự nguyện không yêu cầu ông N phải trả tiền lãi suất cho bà nữa.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị S không có yêu cầu nào khác.

** Theo lời khai tại hồ sơ, bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông và ông H, bà S có mối quan hệ hàng xóm, do nhu cầu làm ăn nên ông có hỏi vay tiền của ông H, bà S hai lần tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 15 tháng 6 năm 2015 (âm lịch) ông có vay ông H, bà S số tiền gốc là 43.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/1 tháng, không thỏa thuận thời hạn, khi nào có ông sẽ trả, tiền lãi là 6 tháng trả 1 lần.

Lần 2: Ngày 26/8/2018 âm lịch, ông có vay ông H, bà S số tiền 15.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/1 tháng, không thỏa thuận thời hạn, khi nào có ông sẽ trả, tiền lãi là 6 tháng trả 1 lần.

Sau khi vay tiền của ông H thì cứ đến vụ mùa là ông trả lãi cho ông H 1 lần, mỗi lần trả lãi thì lúc thì trả 4 tháng, lúc thì trả 6 tháng, lúc thì trả 8 tháng, số tiền cụ thể ông không nhớ. Lần cuối cùng ông trả lãi cho bà S là năm 2020.

Sau khi ông Hiện chết ông vẫn trả lãi đầy đủ cho bà S. Nay ông còn nợ lại bà S tổng cộng là 58.000.000 đồng. Số tiền này là do một mình ông vay, không liên quan đến vợ ông.

Nay, bà S khởi kiện yêu cầu ông trả cho bà S số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng thì ông đồng ý, nhưng tôi đề nghị cho ông trả dần theo vụ lúa, tức là 6 tháng trả một lần, mỗi lần trả 5.000.000 đồng trở lên đến khi hết số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng thì thôi, có nhiều ông trả nhiều, có ít ông trả ít.

Về lãi suất: Tất cả số tiền lãi ông đã trả cụ thể là bao nhiêu tiền thì ông không nhớ, nay bà S tự nguyện không yêu cầu lãi suất thì ông đồng ý, đối với số tiền ông đã trả là trả tiền lãi theo thỏa thuận giữa hai bên vì vậy ông không có ý kiến gì và tự nguyện không yêu cầu tính vào tiền gốc.

Ngoài ra ông Nguyễn Văn N không có yêu cầu nào khác.

** Theo các lời khai có tại hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh là con đẻ của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S. Anh đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N.

Anh xác định số tiền mà bố mẹ anh cho ông Nguyễn Văn N vay là tiền của bố mẹ anh, bản thân anh không có đóng góp gì vào số tiền này. Nay bố anh là ông H đã chết nên số tiền trên là của một mình mẹ anh.

Nay, mẹ anh là bà Nguyễn Thị S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho bà số tiền 58.000.000 đồng thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là buộc ông Nguyễn Văn N trả cho một mình mẹ anh số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng, bản thân anh không có bất cứ yêu cầu gì đối với số tiền này.

Ngoài ra anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu nào khác.

** Theo các lời khai có tại hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh Th trình bày: Chị là con đẻ của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S. Chị đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N.*

Chị xác định số tiền mà bố mẹ chị cho ông Nguyễn Văn N vay là tiền của bố mẹ chị, bản thân chị không có đóng góp gì vào số tiền này. Nay bố chị là ông Hiện đã chết nên số tiền trên là của một mình mẹ chị.

Nay, mẹ chị là bà Nguyễn Thị S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho bà số tiền 58.000.000 đồng thì chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là buộc ông Nguyễn Văn N trả cho một mình mẹ chị số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng, bản thân chị không có bất cứ yêu cầu gì đối với số tiền này.

Do hiện nay chị ở xa, điều kiện đi lại gặp nhiều khó khăn nên chị đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như các phiên tòa xét xử tại Tòa án. Mọi giấy tờ, thông báo, quyết định của Tòa án chị đề nghị Tòa án giao cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị S nhận thay chị.

Ngoài ra chị Nguyễn Thanh T không có yêu cầu nào khác.

- Ngày 26/4/2022, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Bà Nguyễn Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng, bà tự nguyện không yêu cầu ông N phải trả lãi suất cho bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 385, 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; đề:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, buộc ông Nguyễn Văn N phải trả bà Nguyễn Thị S số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 2.900.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ông Nguyễn Văn N có địa chỉ cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ông Nguyễn Văn N có vay của bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H tổng số tiền là 58.000.000 đồng, đến nay ông N chưa trả được tiền nợ gốc. Ngày 18/3/2022, bà S nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án*:

[4.1] Ông Nguyễn Văn N có vay của bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H tổng số tiền là 58.000.000 đồng, chia làm hai lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 15 tháng 6 năm 2015 (âm lịch) ông N có vay ông H, bà S số tiền gốc là 43.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/1 tháng, thời hạn cho vay là 3 năm.

Lần 2: Ngày 26/8/2018 âm lịch, ông N có vay ông H, bà S số tiền 15.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/1 tháng, không thỏa thuận thời hạn.

Bà S xác nhận số tiền 58.000.000 đồng là tiền chung của bà và ông H, ông N cũng xác nhận ông vay số tiền 58.000.000 đồng của ông H và bà S. Năm 2019 ông H chết, bà S đã đòi rất nhiều lần nhưng ông N chưa trả được cho bà S tiền nợ gốc. Nay, bà S đề nghị Tòa án giải quyết buộc một mình ông N phải có trách nhiệm trả cho bà S số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng.

[4.2] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị S tự nguyện không yêu cầu ông N phải trả lãi suất cho bà. Bà S và ông N thỏa thuận tự nguyện không yêu cầu tính số tiền lãi mà hai bên đã trả vào tiền gốc.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S thì thấy:

- Ông Nguyễn Văn N có vay số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H, chia làm hai lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 15 tháng 6 năm 2015 (âm lịch) ông N có vay ông H, bà S số tiền gốc là 43.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/1 tháng, thời hạn cho vay là 3 năm.

Lần 2: Ngày 26/8/2018 âm lịch, ông N có vay ông H, bà S số tiền 15.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/1 tháng, không thỏa thuận thời hạn.

Theo như đã thỏa thuận, bà S có đòi nhiều lần nhưng ông N chưa trả cho bà S được đồng nào tiền nợ gốc. Bà S xác nhận một mình ông N đứng ra vay số tiền 58.000.000 đồng, không liên quan đến vợ ông N là bà Nguyễn Thị C.

Nay, bà S yêu cầu một mình ông N phải trả cho bà S số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn N thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn H tổng số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng, chia làm hai lần, ngày 15/6/2015 ông có vay ông H và bà S số tiền 43.000.000 đồng; ngày 26/8/2018 ông có vay ông H và bà S số tiền 15.000.000 đồng. Cả hai lần vay đều lập biên bản và ông đều ký, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả.

Nay ông N đồng ý trả cho bà S tổng số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng nhưng tôi đề nghị cho ông trả dần theo vụ lúa, tức là 6 tháng trả một lần, mỗi lần trả 5.000.000 đồng trở lên đến khi hết số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng thì thôi, có nhiều ông trả nhiều, có ít ông trả ít.

Ông N xác nhận ông vay số tiền 58.000.000 đồng của ông H và bà S, nay ông H đã chết nên ông đồng ý trả số tiền 58.000.000 đồng cho bà S. Ông N cũng xác nhận số tiền 58.000.000 đồng là do một mình ông vay, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị C.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S đối với ông Nguyễn Văn N. Buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[6] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị S tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải trả lãi suất cho bà S, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX buộc ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị S tổng số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị S được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 2.900.000 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. *Căn cứ:* Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. *Xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, buộc ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng.

3. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn N phải chịu 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. *Hướng dẫn thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh